TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------** Bản án số: 32/2019/HS-ST Ngày: 08-4-2019	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần T2 Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Dương Xuân Đính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN DOÃN T**, sinh năm 1988 tại huyện ĐA, TP Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn CĐ, xã HB, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Doãn C và bà: Dư Thị L; Có vợ: Đinh Thị T; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/01/2019, ngày 25/01/2019 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

Bị hại: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 và anh Đào Văn Đ, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Thôn CĐ, xã HB, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hữu T1 – sinh năm 1990

Trú tại: Thôn CĐ, xã HB, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Vũ Văn T2 – sinh năm 1986

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00h30’ ngày 06/01/2019, bị can Nguyễn Doãn T đi bộ từ quán Game trong thôn CĐ, HB, ĐA về nhà. Khi đi qua nhà chị Nguyễn Thị L phát hiện cửa nhà không khóa nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo T thò tay qua ô thoáng cửa mở chốt, vào phòng ăn lục túi quần áo treo trên móc, lấy được 250.000 đồng của anh Đào Văn Đ. T tiếp tục đi vào phòng ngủ trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7plus, vỏ màu hồng (lắp sim có số thuê bao 0975.085.979) và 01 chiếc điện thoại di động OPPO F9, vỏ màu tím (lắp sim có số thuê bao 0942.840.622) trên mặt tủ nhựa phía cuối giường ngủ. Sau đó, T lục soát chiếc túi xách màu nâu treo trên tường đầu giường ngủ lấy 1.000.000 đồng, bỏ lại túi xách tại giá để giầy trước cửa nhà chị L rồi tẩu thoát.

Khoảng 18h00’ ngày 06/01/2019, bị cáo T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J2 Prime có số thuê bao 0333.761.904 liên lạc với anh Nguyễn Hữu T1 (sinh năm: 1990; trú tại: HB, HB, ĐA, Hà Nội) theo số thuê bao 0977.661.293 nhờ đi bán giúp điện thoại. Anh T1 đồng ý. Bị can T hẹn gặp anh T1 trên đê sông Hồng giữa thôn YH và thôn HB,HB, ĐA để giao điện thoại. Tại điểm hẹn, bị can T đưa chiếc điện thoại di động Iphone 7plus đã trộm của chị L cho anh T1 đi bán. Anh T1 hỏi nguồn gốc điện thoại thì được T cho biết chiếc điện thoại do T nhặt được. Anh T1 đồng ý, cầm chiếc điện thoại di động đến cửa hàng “Nhật Cường Mobile” do anh Vũ Văn T2 (sinh năm 1986, trú tại: KS, HK, SS, Hà Nội) làm chủ, địa chỉ tại thôn BC, VN, ĐA, Hà Nội bán được 1.600.000 đồng. Anh T1 mua 01 thẻ điện thoại hết 100.000 đồng, còn 1.500.000đ về đưa cho bị cáo T. Bị cáo T cầm tiền rồi đưa cho T1 500.000 đồng tiền công. Ngày 08/01/2019, anh T2 bán điện thoại trên cho một khách không quen biết với giá 2.000.000 đồng, việc mua bán không lập giấy tờ.

Ngày 08/01/2019, bị cáo T mang điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của ông Cao Văn Q (sinh năm 1957; trú tại: HD, KC, ĐA, Hà Nội) thuê mở khóa màn hình với giá 300.000 đồng rồi lắp sim 0989.758.904 vào sử dụng.

Vật chứng tạm giữ:

- Của chị Nguyễn Thị L: 01 vỏ hộp điện thoại nhãn hiệu OPPO F9, in thông số kỹ thuật máy như sau: Màu tím tinh tú, imei1: 866376044860473, imei2: 866376044860465

- Của bị cáo Nguyễn Doãn T:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, vỏ màu tím số Imei1: 866376044860473, số Imei2: 866376044860465, lắp sim có số thuê bao 0989758904.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J2 Prime, số Imei1: 352405096538611, số Imei2: 352406096538619, lắp sim có số thuê bao: 0333761904.

- Của Nguyễn Hữu T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số Seri1: 352876104130213, số Seri2: 352876105130212, lắp sim1 có số thuê bao 0977661293, sim2 có số thuê bao 0968022014

- Của anh Vũ Văn T2: 400.000 đồng.

- Của anh Nguyễn Hữu T1: 600.000 đồng

Ngày 24/01/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 7 plus kèm theo sim trong máy trị giá 10.050.000 đồng; chiếc điện thoại OPPO F9 kèm theo sim trong máy trị giá 5.650.000 đồng. Tổng trị giá tài sản vợ chồng chị Nguyễn Thị L bị chiếm đoạt là 16.950.000 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*)

Đối với anh Vũ Văn T2 khi mua máy điện thoại di động do anh T1 bán; ông Cao Văn Q mở khoá mật khẩu màn hình điện thoại do bị can T mang đến, T1 và T trình bày do quên mật khẩu. Anh T2 và ông Q không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với anh Nguyễn Hữu T1 không biết chiếc điện thoại di động mà bị cáoT nhờ mang bán là do trộm cắp của chị L, tài liệu điều tra không đủ căn cứ chứng minh hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với điện thoại Nokia, vỏ màu xanh, số Seri1: 352876104130213, số Seri2: 352876105130212, lắp sim1 có số thuê bao 0977661293, sim2 có số thuê bao 0968022014 tạm giữ của Nguyễn Hữu T1 là tài sản hợp pháp của anh T1. Ngày 11/3/2019, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh T1

Đối với điện thoại SamSung Galaxy J2 Prime bên trong lắp sim có số thuê bao 0333761904, 01 sim có số thuê bao 0989758904 lắp trong điện thoại Oppo F9 (tạm giữ của bị can T); 400.000 đồng tạm giữ của anh Vũ Văn T2 và 600.000 đồng tạm giữ của anh Nguyễn Hữu T1 là vật chứng của vụ án. Chuyển Tòa án xem xét, xử lý.

Đối với điện thoại OPPO F9, vỏ màu tím số Imei1: 866376044860473, số Imei2: 866376044860465 (tạm giữ của bị can T) và vỏ hộp điện thoại OPPO F9 (tạm giữ của chị L) là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị L, ngày 30/01/2019, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị L. Đối với điện thoại Iphone 7 Plus của chị L bị chiếm đoạt không thu giữ được và tiền 1.250.000 đồng bị trộm cắp, chị L và anh Đông yêu cầu bị cáo T bồi thường cho chị L. Ngày 10/02/2019, bị can T tự nguyện bồi thường cho chị L 15.000.000 đồng, sau khi nhận tiền, chị L và anh Đông không yêu cầu bồi thường dân sự gì, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Doãn T.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-ĐA ngày 20-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Doãn T thành khẩn khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Doãn T mức án từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù; Về phần dân sự: đã giải quyết xong nên không xem xét; Tịch thu sung công 400.000 đồng tạm giữ của anh Vũ Văn T2 và 600.000 đồng tạm giữ của anh Nguyễn Hữu T1;

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Doãn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại là chị Nguyễn Thị L, anh Đào Văn Đ, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cùng Biên bản xác

định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Biên bản tạm giữ đồ vật và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00’30 phút ngày 06-01-2019, bị cáo Nguyễn Doãn T đã có hành vi trộm cắp số tiền 1.250.000đ (bao gồm 250.000đ trong túi của anh Đông và 1.000.000đ trong túi xách của chị L), 01 điện thoại Iphone 7 plus kèm theo sim trong máy trị giá 10.050.000 đồng; 01 chiếc điện thoại OPPO F9 kèm theo sim trong máy trị giá 5.650.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chị Nguyễn Thị L, anh Đào Văn Đ bị Nguyễn Doãn T chiếm đoạt là 16.950.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, theo Q định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nội dung điều luật Q định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng do tham lam tư lợi, bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau: Đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung với mức án như Viện Kiểm sát đề nghị.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: : Bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại, bị hại đã nhận và không có ý kiến gì nên không đề cập xử lý.

[5] Về việc xử lý vật chứng: Đối với điện thoại SamSung Galaxy J2 Prime bên trong lắp sim có số thuê bao 0333761904 là công cụ phương tiện bị cáo liên hệ cho Nguyễn Hữu T1 để tiêu thụ tài sản phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Q định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Doãn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Doãn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/01/2019 đến ngày 25/01/2019.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại 15.000.000 đồng; bị hại đã nhận và không có yêu cầu gì khác. Việc bồi thường thiệt hại đã xong.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại SamSung Galaxy J2 Prime bên trong lắp sim có số thuê bao 0333761904; số tiền 400.000 đồng tạm giữ của anh Vũ Văn T2 và 600.000 đồng tạm giữ của anh Nguyễn Hữu T1 (Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/3/2019 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

Bị cáo Nguyễn Doãn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trung Trực

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Thi hành án hình sự;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;